

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ**

Số: 11...../CV-XMPT

V/v: Giải trình chênh lệch LNST
năm 2018, quý IV/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 15 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lỗ và có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước của Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo Văn phòng Công ty năm 2018 như sau:

I. Báo cáo tài chính tổng hợp:

1. Báo cáo năm 2018 và năm 2017

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	249.786,42	238.084,15	11.702,27	4,92
Các khoản giảm trừ	3.024,85	115,73	2.909,11	2.513,67
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	246.761,58	237.968,42	8.793,16	3,70
Giá vốn hàng bán	223.895,36	212.261,68	11.633,68	5,48
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	22.866,22	25.706,74	(2.840,52)	(11,05)
Doanh thu hoạt động tài chính	7,15	19,46	(12,31)	(63,3)
Chi phí tài chính	26.344,63	25.151,49	1.193,14	4,7
Chi phí bán hàng	7.863,77	3.901,62	3.962,15	101,55
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.056,55	11.783,44	2.273,10	19,29
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(25.391,58)	(15.110,36)	(10.281,22)	68,04
Thu nhập khác	1.178,48	612,73	565,75	92,33
Chi phí khác	276,69	3,50	273,19	100
Lợi nhuận khác	901,79	609,23	292,55	48,02
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.489,80)	(14.501,13)	(9.988,67)	68,88
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(24.489,80)	(14.501,13)	(9.988,67)	68,88

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty lỗ 24.489,80 triệu đồng tăng lỗ 9.988,67 triệu đồng so với năm 2017 (năm 2017 lỗ 14.501,13 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do thời tiết mưa nhiều gây ngập lụt mở khai thác nguyên liệu cộng với tiến độ bàn giao diện tích khai thác công ty đã bồi thường chậm nên nguyên liệu khai thác cho sản xuất bị thiếu, dẫn đến dây chuyền sản xuất không liên tục, phải dừng do thiếu nguyên liệu(dừng tổng thời gian 202 ngày/365 ngày theo lịch bằng 55,3%), năng suất dây chuyền chỉ đạt 57,7%.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2018 là 246.761,58 triệu đồng tăng so với năm 2017 (237.968,42 triệu đồng) là: 3,7% tương ứng với 8.793,16 triệu đồng. Giá vốn hàng bán tăng từ 212.261,68 triệu đồng của năm 2017 lên 223.895,36 triệu đồng của năm 2018 (tăng 5,48% tương ứng tăng 11.633,68 triệu đồng). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của năm 2018 giảm 2.840,52 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của năm 2018 là: 7.863,77 triệu đồng tăng 101,55% tương đương 3.962,15 triệu đồng so với năm 2017 (3.901,62 triệu đồng). Chi phí bán hàng tăng lên là do chi phí bốc xếp xi măng tăng từ 18.000 đồng/ tấn lên 20.000 đồng/tấn, chi phí vận chuyển(cự ly 10km trở lên) tăng từ 2.150 đồng/ tấn/km lên 3.100 đồng/ tấn/km(công ty cung cấp xi măng đến chân công trình cho các dự án xây dựng trọng điểm và chương trình xi măng GTNT năm 2018 của UBND tỉnh Phú Thọ). Chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2018 (14.056,55 triệu đồng) tăng 2.273,1 triệu đồng so với năm 2017 (11.783,44 triệu đồng); trong đó chi phí tiền lương tăng: 1.322,36 đồng, chi phí đồ dùng văn phòng tăng: 190,42 triệu đồng, thuế phí tăng 389,84 triệu đồng, chi phí dịch vụ bảo vệ tăng 370,48 triệu đồng. Chi phí tài chính tăng 1.193,14 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2018 giảm so với năm 2017 là : 10.281,25 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 292,55 triệu đồng do phát sinh nghiệp vụ bán thanh lý vật tư cũ, hỏng không sử dụng và phế liệu thu hồi ,làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 9.988,67 triệu đồng so với năm 2017.

2. Báo cáo quý IV/2018 và quý IV/2017

Chỉ tiêu	Quý IV/2018	Quý IV 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.844,42	67.589,21	1.255,22	1,86
Các khoản giảm trừ	777,96	82,05	695,91	848,14
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	68.066,47	67.507,16	559,31	0,83
Giá vốn hàng bán	64.050,89	57.745,85	6.305,04	10,92
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	4.015,58	9.761,31	(5.745,73)	(58,86)
Doanh thu hoạt động tài chính	5,83	6,72	(0,89)	(13,2)
Chi phí tài chính	6.213,23	6.710,73	(497,50)	(7,41)
Chi phí bán hàng	1.707,27	1.263,11	444,16	35,16
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.636,19	2.964,33	1.671,86	56,40
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.535,28)	(1.170,14)	(7.365,14)	629,42
Thu nhập khác	6,86	577,66	(570,81)	(98,81)
Chi phí khác	99,14	-	99,14	
Lợi nhuận khác	(92,28)	577,66	(669,95)	(115,98)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.627,56)	(592,47)	(8.035,09)	1.356,19
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.627,56)	(592,47)	(8.035,09)	1.356,19

Lợi nhuận sau thuế quý IV/2018 của Công ty lỗ 8.627,56 triệu đồng tăng lỗ 8.035,09 triệu đồng so với quý IV/2017 (quý IV/2017 lỗ 592,47 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do thời tiết mưa nhiều gây ngập lụt mở khai thác nguyên liệu cộng với tiến độ bàn giao diện tích khai thác công ty đã bồi thường chậm nên nguyên liệu khai thác cho sản xuất bị thiếu, dẫn đến dây truyền sản xuất không liên tục, phải dừng do thiếu nguyên liệu(dừng tổng thời gian gần 43 ngày/92 ngày theo lịch bằng 46,74%), năng suất dây truyền chỉ đạt 69,8%.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý IV/2018 là 68.066,47 triệu đồng tăng so với quý IV/2017 (67.507,16 triệu đồng)là: 0,83% tương ứng với 559,31 triệu đồng.Giá vốn hàng bán tăng từ 57.745,85 triệu đồng của quý IV/2017 lên 64.050,89 triệu đồng quý IV/2018 (tăng 10,92 % tương ứng tăng 6.305,04 triệu đồng). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý IV/2018 giảm 5.745,73 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý IV/2018 là: 1.707,27 triệu đồng tăng 35,16% tương đương 444,16 triệu đồng so với quý IV/2017 (1.263,11 triệu đồng). Chi phí bán hàng tăng lên là do chi phí bốc xếp xi măng tăng từ 18.000 đồng/ tấn lên 20.000 đồng/tấn, chi phí vận chuyển(cự ly 10km trở lên) tăng từ 2.150 đồng/ tấn/km lên 3.100 đồng/ tấn/km(công ty cung cấp xi măng đến chân công trình cho các dự án xây dựng trọng điểm và chương trình xi măng GTNT năm 2018 của UBND tỉnh Phú Thọ). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý IV/2018 (4.636,19 triệu đồng) tăng 1.671,86 triệu đồng so với quý IV/2017 (2.964,33 triệu đồng); trong đó Chi phí tiền lương tăng 1.231,86 triệu đồng, chi phí văn phòng phẩm tăng 5 triệu đồng, thuế phí tăng 9 triệu đồng, chi phí dịch vụ tăng 66 triệu đồng và chi phí tàu xe, công tác,tiếp khách tăng 360 triệu đồng. Chi phí tài chính giảm 497,50 triệu đồng.Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý IV/2018 giảm so với quý IV/2017 là: 7.365,17 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 669,95 triệu đồng ,làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý IV/2018 giảm 8.035,09 triệu đồng so với quý IV/2017.

II. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty:

1. Báo cáo năm 2018 và năm 2017

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	249.786,42	238.084,15	11.702,27	4,92
Các khoản giảm trừ	3.024,85	115,73	2.909,11	2.513,67
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	246.761,58	237.968,42	8.793,16	3,70
Giá vốn hàng bán	223.895,36	212.261,68	11.633,68	5,48
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	22.866,22	25.706,74	(2.840,52)	(11,05)
Doanh thu hoạt động tài chính	7,15	19,46	(12,31)	(63,3)
Chi phí tài chính	26.344,63	25.151,49	1.193,14	4,7
Chi phí bán hàng	7.863,77	3.901,62	3.962,15	101,55
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.056,55	11.783,44	2.273,10	19,29
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(25.391,58)	(15.110,36)	(10.281,22)	68,04
Thu nhập khác	1.178,48	612,73	565,75	92,33
Chi phí khác	276,69	3,50	273,19	100
Lợi nhuận khác	901,79	609,23	292,55	48,02
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.489,80)	(14.501,13)	(9.988,67)	68,88
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(24.489,80)	(14.501,13)	(9.988,67)	68,88

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty lỗ 24.489,80 triệu đồng tăng lỗ 9.988,67 triệu đồng so với năm 2017 (năm 2017 lỗ 14.501,13 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do thời tiết mưa nhiều gây ngập lụt mở khai thác nguyên liệu cộng với tiến độ bàn giao diện tích khai thác công ty đã bồi thường chậm nên nguyên liệu khai thác cho sản xuất bị thiếu, dẫn đến dây chuyền sản xuất không liên tục, phải dừng do thiếu nguyên liệu(dừng tổng thời gian 202 ngày/365 ngày theo lịch bằng 55,3%), năng suất dây chuyền chỉ đạt 57,7%.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2018 là 246.761,58 triệu đồng tăng so với năm 2017 (237.968,42 triệu đồng) là: 3,7% tương ứng với 8.793,16 triệu đồng. Giá vốn hàng bán tăng từ 212.261,68 triệu đồng của năm 2017 lên 223.895,36 triệu đồng của năm 2018 (tăng 5,48% tương ứng tăng 11.633,68 triệu đồng). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của năm 2018 giảm 2.840,52 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của năm 2018 là: 7.863,77 triệu đồng tăng 101,55% tương đương 3.962,15 triệu đồng so với năm 2017 (3.901,62 triệu đồng). Chi phí bán hàng tăng lên là do chi phí bốc xếp xi măng tăng từ 18.000 đồng/ tấn lên 20.000 đồng/tấn, chi phí vận chuyển(cự ly 10km trở lên) tăng từ 2.150 đồng/ tấn/km lên 3.100 đồng/ tấn/km(công ty cung cấp xi măng đến chân công trình cho các dự án xây dựng trọng điểm và chương trình xi măng GTNT năm 2018 của UBND tỉnh Phú Thọ). Chi phí quản lý

- doanh nghiệp của năm 2018 (14.056,55 triệu đồng) tăng 2.273,1 triệu đồng so với năm 2017 (11.783,44 triệu đồng); trong đó chi phí tiền lương tăng: 1.322,36 đồng, chi phí đồ dùng văn phòng tăng: 190,42 triệu đồng, thuê phí tăng 389,84 triệu đồng, chi phí dịch vụ bảo vệ tăng 370,48 triệu đồng. Chi phí tài chính tăng 1.193,14 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2018 giảm so với năm 2017 là : 10.281,25 triệu đồng.

+ Lợi nhận khác tăng 292,55 triệu đồng do phát sinh nghiệp vụ bán thanh lý vật tư cũ, hỏng không sử dụng và phế liệu thu hồi ,làm cho tổng lợi nhận kế toán trước thuế giảm 9.988,67 triệu đồng so với năm 2017.

2. Báo cáo quý IV/2018 và quý IV/2017

Chỉ tiêu	Quý IV/2018	Quý IV 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.844,42	67.589,21	1.255,22	1,86
Các khoản giảm trừ	777,96	82,05	695,91	848,14
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	68.066,47	67.507,16	559,31	0,83
Giá vốn hàng bán	64.050,89	57.745,85	6.305,04	10,92
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	4.015,58	9.761,31	(5.745,73)	(58,86)
Doanh thu hoạt động tài chính	5,83	6,72	(0,89)	(13,2)
Chi phí tài chính	6.213,23	6.710,73	(497,50)	(7,41)
Chi phí bán hàng	1.707,27	1.263,11	444,16	35,16
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.636,19	2.964,33	1.671,86	56,40
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.535,28)	(1.170,14)	(7.365,14)	629,42
Thu nhập khác	6,86	577,66	(570,81)	(98,81)
Chi phí khác	99,14	-	99,14	
Lợi nhuận khác	(92,28)	577,66	(669,95)	(115,98)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.627,56)	(592,47)	(8.035,09)	1.356,19
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.627,56)	(592,47)	(8.035,09)	1.356,19

Lợi nhuận sau thuế quý IV/2018 của Công ty lỗ 8.627,56 triệu đồng tăng lỗ 8.035,09 triệu đồng so với quý IV/2017 (quý IV/2017 lỗ 592,47 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do thời tiết mưa nhiều gây ngập lụt mở khai thác nguyên liệu cộng với tiến độ bàn giao diện tích khai thác công ty đã bồi thường chậm nên nguyên liệu khai thác cho sản xuất bị thiếu, dẫn đến dây truyền sản xuất không liên tục, phải dừng do thiếu nguyên liệu(dừng tổng thời gian gần 43 ngày/92 ngày theo lịch bằng 46,74%), năng suất dây truyền chỉ đạt 69,8%.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý IV/2018 là 68.066,47 triệu đồng tăng so với quý IV/2017 (67.507,16 triệu đồng) là: 0,83% tương ứng với 559,31 triệu đồng. Giá vốn hàng bán tăng từ 57.745,85 triệu đồng của quý IV/2017 lên 64.050,89 triệu đồng quý IV/2018 (tăng 10,92 % tương ứng tăng 6.305,04 triệu đồng). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý IV/2018 giảm 5.745,73 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý IV/2018 là: 1.707,27 triệu đồng tăng 35,16% tương đương 444,16 triệu đồng so với quý IV/2017 (1.263,11 triệu đồng). Chi phí bán hàng tăng lên là do chi phí bốc xếp xi măng tăng từ 18.000 đồng/ tấn lên 20.000 đồng/tấn, chi phí vận chuyển(cự ly 10km trở lên) tăng từ 2.150 đồng/ tấn/km lên 3.100 đồng/ tấn/km(công ty cung cấp xi măng đến chân công trình cho các dự án xây dựng trọng điểm và chương trình xi măng GTNT năm 2018 của UBND tỉnh Phú Thọ). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý IV/2018 (4.636,19 triệu đồng) tăng 1.671,86 triệu đồng so với quý IV/2017 (2.964,33 triệu đồng); trong đó Chi phí tiền lương tăng 1.231,86 triệu đồng, chi phí văn phòng phẩm tăng 5 triệu đồng, thuê phí tăng 9 triệu đồng, chi phí dịch vụ tăng 66 triệu đồng và chi phí tàu xe, công tác, tiếp khách tăng 360 triệu đồng. Chi phí tài chính giảm 497,50 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý IV/2018 giảm so với quý IV/2017 là: 7.365,17 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 669,95 triệu đồng , làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý IV/2018 giảm 8.035,09 triệu đồng so với quý IV/2017.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

CÔNG TY CP XI MĂNG PHÚ THỌ
CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG
PHÚ THỌ
H. THÁNH HẠ - I. PHÚ THỌ
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Triệu Quang Thuận